TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÈO VẠC** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17/2020/QĐST-HNGĐ	*Mèo Vạc, ngày 17 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 31/8/2020 giữa:

Nguyên đơn: Lù Đức T, sinh năm 1982, địa chỉ: Trường Tiểu học xã X, huyện M, tỉnh H.

Bị đơn: Chương Thị Y, sinh năm 1985, địa chỉ: Trường Tiểu học xã X, huyện M, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Chương Thị Y và anh Lù Đức T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân:

Chị Chương Thị Y và anh Lù Đức T thuận tình ly hôn.

- Con chung: Anh chị nhất trí thỏa thuận (theo nguyện vọng của con):

Chị Chương Thị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Lù Hải Đ sinh ngày 29/7/2006 và cháu Lù Ngọc T sinh ngày

02/3/2012 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh Lù Đức T được quyền đi lại, thăm nom con chung, chị Chương Thị Y không được ngăn cản.

Anh Lù Đức T cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị Chương Thị Y là **3.000.000**đ/1cháu/tháng (*Ba triệu đồng/1cháu/tháng*), hai con là **6.000.000**đ/tháng (Sáu triệu đồng/tháng), bắt đầu từ ngày 01/10/2020. Phương thức cấp dưỡng một tháng một lần.

Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

- Tải sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Công nợ: Anh chị không có, không đề nghị giải quyết.
- Án phí: Áp dụng khoản 3, 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí HNGĐ - ST: Anh Lù Đức T tự nguyện chịu cả án phí HNGĐ-ST là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Án phí DSST: Anh Lù Đức T chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tổng hai loại án phí anh Lù Đức T phải chịu là **300.000**đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 03473 ngày 28/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

Khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã Ngọc Đường, TP Hà Giang)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Yên